

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính  
được sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản, Thú y, Bảo vệ  
thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và  
Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của  
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày  
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị  
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của  
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát  
thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1181/QĐ-BNN-BVTV ngày 24 tháng 4 năm 2024  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính  
bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ  
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1213/QĐ-BNN-TS ngày 26 tháng 4 năm 2024 của  
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới  
ban hành; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng  
quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1214/QĐ-BNN-TY ngày 26 tháng 4 năm 2024 của  
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính  
được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ  
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1283/QĐ-BNN-TS ngày 08 tháng 5 năm 2024 của  
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính  
được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của  
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 190/TTr-SNN&PTNT ngày 15 tháng 5 năm 2024.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 12 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản, Thú y; 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hoá (có Danh mục kèm theo)<sup>1</sup>

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để xây dựng quy trình điện tử trước ngày 27/5/2024.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Thi**

---

<sup>1</sup> Tra cứu toàn bộ nội dung TTHC trên Cổng Dịch công quốc gia tại địa chỉ: <http://dichvucong.gov.vn>.

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG/BỊ BÃI BỎ**  
**LĨNH VỰC THỦY SẢN, THÚ Y, BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/UBND CẤP HUYỆN TỈNH THANH HÓA**  
(Kèm theo Quyết định số:           /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

Sửa đổi, bổ sung 09 thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản đã được công bố tại Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Thủy sản và Chăn nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa; 02 thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản đã được công bố tại Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản, Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa; 01 thủ tục hành chính lĩnh vực Thú y đã được công bố tại Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Chăn nuôi, Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa.

Stt	Tên thủ tục hành chính (Mã hồ sơ TTHC trên Cổng DVC quốc gia)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung
<b>A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>						
<b>I. Lĩnh vực Thủy sản</b>						
1	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản	- Trường hợp cấp mới: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại: 03 ngày	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ hướng dẫn Luật Thủy sản;	- Tên thủ tục hành chính; - Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ

	<p><i>bổ mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ).</i></p> <p>(1.004918.000.00.H56)</p>	<p>làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>- Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến: <a href="http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a>.</p> <p><i>(Dịch vụ công trực tuyến một phần)</i></p>		<p>- Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.</p>	<p>SƠ;</p> <p>- Kết quả thực hiện TTHC;</p> <p>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;</p> <p>- Yêu cầu, điều kiện thực hiện;</p> <p>- Căn cứ pháp lý.</p>
2	<p>Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).</p> <p>(1.004915.000.00.H56)</p>	<p>- Trường hợp cấp mới: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <p>- Trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).</p> <p>- Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến: <a href="http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a>.</p>	<p>Mức thu phí 5.700.000 đồng/lần (Mức phí trên chưa bao gồm chi phí đi lại của đoàn đánh giá. Chi phí đi lại do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định chi trả theo thực tế, phù hợp với quy định).</p>	<p>- Luật Thủy sản năm 2017;</p> <p>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;</p>	<p>- Trình tự thực hiện;</p> <p>- Thời hạn giải quyết;</p> <p>- Thành phần hồ sơ;</p> <p>- Kết quả thực hiện</p>

			(Dịch vụ công trực tuyến một phần)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>- Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;</li> <li>- Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực quản lý</li> </ul>	<p>TTHC;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Yêu cầu, điều kiện thực hiện;</li> <li>- Căn cứ pháp lý.</li> </ul>
--	--	--	------------------------------------	---	--

					nuôi trồng thủy sản.	
3	<i>Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu).</i> (1.004913.000.00.H56)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).</li> <li>- Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến: <a href="http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a>.</li> </ul> <p><i>(Dịch vụ công trực tuyến một phần)</i></p>	Chưa có văn bản quy định.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;</li> <li>- Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>- Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên thủ tục hành chính;</li> <li>- Trình tự thực hiện;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Yêu cầu, điều kiện thực hiện;</li> <li>- Căn cứ pháp lý.</li> </ul>
4	Công bố mở cảng cá loại 2. (1.004694.000.00.H56)	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).</li> <li>- Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến: <a href="http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a>.</li> </ul> <p><i>(Dịch vụ công trực tuyến một phần)</i></p>	Chưa có văn bản quy định.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình tự thực hiện;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Kết quả thực hiện TTHC;</li> <li>- Yêu cầu, điều kiện thực hiện;</li> </ul>

					<i>sản.</i>	- Căn cứ pháp lý.
5	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá. (1.004697.000.00.H56)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).  - Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến: <a href="http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> .  (Dịch vụ công trực tuyến một phần)	Chưa có văn bản quy định.	- Luật Thủy sản năm 2017;  - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;  - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;	- Trình tự thực hiện;  - Thành phần hồ sơ;  - Yêu cầu, điều kiện thực hiện;  - Căn cứ pháp lý.
6	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực. (1.004692.000.00.H56)	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).  - Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến: <a href="http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> .  (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)	Chưa có văn bản quy định	- Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi	- Trình tự thực hiện;  - Thời hạn giải quyết;  - Thành phần hồ sơ;  - Mẫu đơn, mẫu tờ khai;  - Yêu cầu, điều kiện thực hiện;  - Căn cứ pháp lý.
7	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng	- Trường hợp cấp mới: 45	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển	Chưa có văn bản quy định.		- Tên thủ tục hành

	<p><i>thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý).</i></p> <p>(1.004684.000.00.H56)</p>	<p>ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp cấp lại/gia hạn: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).</p> <p>- Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến: <a href="http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a>.</p> <p><i>(Dịch vụ công trực tuyến một phần)</i></p>		<p><i>hành Luật Thủy sản.</i></p>	<p>chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình tự thực hiện;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Kết quả thực hiện TTHC;</li> <li>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Yêu cầu, điều kiện thực hiện;</li> <li>- Căn cứ pháp lý.</li> </ul>
8	<p>Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản.</p> <p>(1.004359.000.00.H56)</p>	<p>- Trường hợp cấp mới: 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).</p> <p>- Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến: <a href="http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a>.</p> <p><i>(Dịch vụ công trực tuyến một phần)</i></p>	<p>Lệ phí cấp mới 40.000 đồng/lần; lệ phí cấp lại 20.000 đồng/lần</p>	<p>- Luật Thủy sản năm 2017;</p> <p>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;</p> <p>- Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình tự thực hiện;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Kết quả thực hiện TTHC;</li> <li>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Yêu cầu, điều kiện</li> </ul>



					<p><i>định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</i></p> <p><i>- Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;</i></p> <p><i>- Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thăm định xác nhận</i></p>	<p>thực hiện;</p> <p>- Căn cứ pháp lý.</p>
--	--	--	--	--	---	--

					nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thăm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản	
9	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển. (1.004344.000.00.H56)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).</p> <p>- Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến: <a href="http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a>.</p> <p><i>(Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)</i></p>	Chưa có văn bản quy định.	<p>- Luật Thủy sản năm 2017;</p> <p>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;</p> <p>- Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định</p>	<p>- Trình tự thực hiện;</p> <p>- Thành phần hồ sơ;</p> <p>- Kết quả thực hiện TTHC;</p> <p>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;</p> <p>- Căn cứ pháp lý.</p>

					<i>số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.</i>	
10	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá. (1.003650.000.00.H56)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).</p> <p>- Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến: <a href="http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a>. <i>(Dịch vụ công trực tuyến một phần)</i></p>	Chưa có văn bản quy định	<p>- Luật Thủy sản năm 2017;</p> <p>- Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát</p>	<p>- Trình tự thực hiện;</p> <p>- Thành phần hồ sơ;</p> <p>- Kết quả thực hiện TTHC;</p> <p>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;</p> <p>- Căn cứ pháp lý.</p>

					<p>triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản;</p> <p>- <i>Thông tư số 06/2024/TT-BNNPTNT</i> ngày 06/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.</p>	
<b>II. Lĩnh vực Thú y</b>						
1	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn	<b>(i) Kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi</b>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Thanh Hóa (Phố Tân Thọ,	<b>Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn</b>	- Luật Thú y năm 2015;	- Thời hạn giải quyết;

<p>vận chuyên ra khỏi địa bàn cấp tỉnh. (1.002338.000.00.H56)</p>	<p><b>địa bàn cấp tỉnh:</b></p> <p>- Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch.</p> <p>- Đối với động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-</p>	<p>phường Đông Tân, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).</p>	<p><b>1. Kiểm tra lâm sàng động vật:</b></p> <p><b>1.1.</b> Trâu, bò, ngựa, lừa, la, dê, cừu, đà điểu: 50.000 đồng (đơn vị tính: Xe ô tô/Xe chuyên dụng);</p> <p><b>1.2.</b> Lợn: 60.000 đồng (đơn vị tính: Xe ô tô/Xe chuyên dụng);</p> <p><b>1.3.</b> Hổ, báo, voi, hươu, nai, sư tử, bò rừng và động vật khác có khối lượng tương đương: 300.000 đồng (đơn vị tính: Xe ô tô/Xe chuyên dụng);</p> <p><b>1.4.</b> Gia cầm: 35.000 đồng (đơn vị tính: Xe ô tô/Xe chuyên dụng);</p> <p><b>1.5.</b> Chó, mèo, khỉ, vượn, cáo, nhím, chồn, trăn, cá sấu, kỳ đà, rắn, tắc kè, thằn lằn, rùa, kỳ nhông, thỏ, chuột nuôi thí nghiệm, ong nuôi và động vật khác có khối lượng tương đương theo quy định tại Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định Danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc</p>	<p>- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;</p> <p>- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016;</p> <p>- Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật,</p>	<p>- Trình tự thực hiện;</p> <p>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;</p> <p>- Căn cứ pháp lý.</p>
---	---	---	--	--	--

		<p><i>BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT):</i>  <i>Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.</i></p> <p><b>(ii) Kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh</b></p> <p>- Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y: <i>Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch.</i></p> <p>- Đối với sản</p>		<p>diện phải kiểm dịch: 100.000 đồng (đơn vị tính: Xe ô tô/Xe chuyên dụng).</p> <p><b>2. Kiểm dịch sản phẩm động vật, thức ăn chăn nuôi và các sản phẩm khác có nguồn gốc động vật trường hợp phải kiểm tra thực trạng hàng hóa (chưa bao gồm chi phí xét nghiệm):</b></p> <p><b>2.1. Kiểm dịch sản phẩm động vật đông lạnh:</b> 200.000 đồng (đơn vị tính: Lô hàng);</p> <p><b>2.2. Kiểm dịch thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm từ thịt, phủ tạng, phụ phẩm của động vật ở dạng tươi sống, hun khói, phơi khô, sấy, ướp muối, ướp lạnh, đóng hộp; Lạp xường, patê, xúc xích, giăm bông, mỡ và các sản phẩm động vật khác ở dạng sơ chế, chế biến; Sữa tươi, sữa chua, bơ, pho mát, sữa hộp, sữa bột, sữa bánh và các sản phẩm từ sữa; Trứng tươi, trứng muối, bột trứng và các sản phẩm từ trứng; Trứng gia cầm giống, trứng tằm; phôi, tinh</b></p>	<p>sản phẩm động vật trên cạn;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;</p> <p>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.</p> <p>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định</p>	
--	--	---	--	--	--	--

		<p><i>phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.</i></p>		<p>dịch động vật; Bột thịt, bột xương, bột huyết, bột lông vũ và các sản phẩm động vật khác ở dạng nguyên liệu; thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản chứa thành phần có nguồn gốc từ động vật; Dược liệu có nguồn gốc động vật: Nọc rắn, nọc ong, vẩy tê tê, mật gấu, cao động vật, men tiêu hóa và các loại dược liệu khác có nguồn gốc động vật; Da động vật ở dạng: Tươi, khô, ướp muối; Da lông, thú nhồi bông của các loài động vật: Hồ, báo, cây, thỏ, rái cá và từ các loài động vật khác; Lông mao: Lông đuôi ngựa, lông đuôi bò, lông lợn, lông cừu và lông của các loài động vật khác; Lông vũ: Lông gà, lông vịt, lông ngỗng, lông công và lông của các loài chim khác; Răng, sừng, móng, ngà, xương của động vật; Tổ yến, sản phẩm từ yến; Mật ong, sữa ong chúa, sáp ong; Kén tằm: 100.000 đồng (đơn vị tính: Lô hàng).</p> <p><b>3. Các chỉ tiêu kiểm tra:</b> Theo Biểu khung giá dịch</p>	<p>về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;</p>	
--	--	---	--	---	---	--

				vụ tại Phụ lục 1, 2, 3 ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.		
<b>II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b>						
1	Công bố mở cảng cá loại 3. (1.004478.000.00.H56)	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện.  - Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến: <a href="http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a>  (Dịch vụ công trực tuyến một phần)	Chưa có văn bản quy định.	- Luật Thủy sản năm 2017;  - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;  - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;  - Khoản 32 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP	- Trình tự thực hiện;  - Thành phần hồ sơ;  - Mẫu đơn, mẫu tờ khai;  - Kết quả thực hiện;  - Yêu cầu, điều kiện thực hiện;  - Căn cứ pháp lý.



					ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
--	--	--	--	--	---

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo vệ thực vật đã được công bố tại Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa.

Stt	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>			
<b>Lĩnh vực Bảo vệ thực vật</b>			
1	1.004509.000.00.00.H56	Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật.	Quyết định số 1181/QĐ-BNN-BVTV ngày 24/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (do thủ tục này đã được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố tại Quyết định số 421/QĐ-BGTVT ngày 11/4/2024 về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới trong lĩnh vực Giao thông vận tải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải).